

Đông Triều, ngày 11 tháng 04 năm 2023

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ I NĂM 2023

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Căn cứ Quyết định giao ngân sách số 298/QĐ-PGD ngày 27/12/2022 của phòng giáo dục và đào tạo thị xã Đông Triều

Trường THCS Hồng Thái Tây công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý I năm 2023 như sau:

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán đầu năm 2021	Thực hiện quý I năm 2023	Thực hiện quý I/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện quý I nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5,000	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				-
I	Số thu phí, lệ phí	410.000.000	-	-	-
1	Học phí	410.000.000		-	
	Chi thanh toán cho cá nhân	204.000.000			
	Mục 6000: Tiền lương	164.000.000			
	Mục 6100: Phụ cấp lương	40.000.000			
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	166.000.000			
	Mục 6500: Thanh toán dịch vụ công cộng	16.000.000			
	Mục 6550: Vật tư văn phòng	20.000.000			
	Mục 6600: Thông tin truyền thông liên lạc	-			
	Mục 6750: Chi phí thuê mướn	40.000.000			
	Mục 6900: Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở	45.000.000			
	Mục 7000: Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	45.000.000			
	Các khoản chi khác	40.000.000			
	Mục 7750: Chi khác	40.000.000			
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	410.000.000	116.079.251		

	Học phí	410.000.000	116.079.251		
	Chi thanh toán cho cá nhân	204.000.000	76.238.000		
	Mục 6000: Tiền lương	164.000.000	72.960.000		
	Mục 6100: Phụ cấp lương	40.000.000			
	Mục 6949 : chi khác	-	3.278.000		
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	166.000.000	39.841.251		
	Mục 6500: Thanh toán dịch vụ công cộng	16.000.000	2.349.600		
	Mục 6550: Vật tư văn phòng	20.000.000	-		
	Mục 6600: Thông tin truyền thông liên lạc	-	8.813.251		
	Mục 6700: Công tác phí		50.000		
	Mục 6750: Chi phí thuê mướn	40.000.000	28.628.400		
	Mục 6900: Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng.	45.000.000			
	Mục 7000: Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	45.000.000			
	Các khoản chi khác	40.000.000	-		
	Mục 7750: Chi khác	40.000.000			
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	-	-		-
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	<u>Nguồn ngân sách trong nước</u>	<u>3.852.000.000</u>	<u>764.133.351</u>	<u>20</u>	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	3.852.000.000	764.133.351	20	
1	Chi thanh toán cho cá nhân	3.032.000.000	680.398.351	22	
	Mục 6000: Tiền lương	1.600.000.000	377.059.400		
	Mục 6050: Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	35.000.000	12.480.000	-	
	Mục 6100: Phụ cấp lương	865.000.000	182.854.737	21	
	Mục 6200: Tiền thưởng	11.000.000		-	
	Mục 6250: Phúc lợi tập thể	6.000.000		-	
	Mục 6300: Các khoản đóng góp	515.000.000	108.004.214	21	
2	Chi nghiệp vụ chuyên môn	730.000.000	43.805.000	6	
	Mục 6500: Thanh toán dịch vụ công cộng	50.000.000		-	
	Mục 6550: Vật tư văn phòng	70.000.000		-	
	Mục 6600: Thông tin tuyên truyền liên lạc	43.000.000		-	
	Mục 6650: Hội nghị	7.000.000		-	
	Mục 6700: Công tác phí	60.000.000	3.740.000	6	
	Mục 6750: Chi phí thuê mướn	100.000.000		-	

Mục 6900: Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng.	160.000.000		-	
Mục 6950: Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	30.000.000		-	
Mục 7000: Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	200.000.000	40.065.000		
Mục 7050: Mua sắm tài sản vô hình	10.000.000		-	
Các khoản chi khác	90.000.000	39.930.000		
Mục 7750: Chi khác	90.000.000	39.930.000		

Người lập

Trịnh Thị Nhân

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Thu Thủy

